TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 5 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành

Ông Phạm Đức Hoàn

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị V; sinh năm: 1999; HKTT: Thôn V, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Xóm G, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn V1; sinh năm: 1994; HKTT: Thôn V, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị V, anh V1. Chị V, anh V1 đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị V trình bày: Chị và anh Lê Văn V1 kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 02/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết

cho chị được ly hôn anh V1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 12/11/2018. Hiện cháu B đang ở với anh V1. Nếu ly hôn, chị V giao cháu B cho anh V1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị V không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Văn V1 trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 12/11/2018. Hiện cháu B đang ở với anh V1. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B. Không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh V1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị V đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh V1 không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định của BLTTDS. Về giao nhận, tống đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Bùi Thị V được ly hôn anh Lê Văn V1. Giao cháu Lê Gia B, sinh ngày 12/11/2018 cho anh V1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Bùi Thị V khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lê Văn V1, nơi cư trú tại Thôn V, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh V1 không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh V1 theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh V2 đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh V2 đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Chị Bùi Thị V và anh Lê Văn V1 đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị V, anh V1.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị V và anh Lê Văn V1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Chị V và anh V1 đều có nguyện vọng muốn được ly hôn. Điều đó chứng tỏ chị V, anh V1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị V được ly hôn anh V1.

[3] Về con chung: Chị V và anh V1 có 01 con chung. Chị V và anh V1 đã tự nguyện thống nhất về việc giao người trực tiếp nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu B đang ở với anh V1. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu. Chấp nhận yêu cầu của chị V và anh V1: giao cháu B cho anh V1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của anh V1, đây là sự tự nguyện của anh V1, chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị V, anh V1 không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị V được ly hôn anh Lê Văn V1.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị V và anh Lê Văn V1 có 01 con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 12/11/2018. Giao cháu B cho anh V1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị V, anh V1 không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số 0002547 ngày 24/3/2025. Chị V đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị V, anh V1 có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã Vân Am;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thịnh